

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI
Số: 66 /2026/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định cụ thể bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; di tích lịch sử, điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và công trình hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đề điều số 79/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 15/2008/QH12, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 60/2020/QH14, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 84/2025/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 53/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 200/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng thủ dân sự;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên

tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT và Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 345/TTr-SNN ngày 06 tháng 5 năm 2026, Công văn số 5160/SNNMT-TL ngày 14 tháng 5 năm 2026 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 199/BC-STP ngày 04 tháng 5 năm 2026 và ý kiến thống nhất của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định cụ thể bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; di tích lịch sử, điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và công trình hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cụ thể bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; di tích lịch sử, điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và công trình hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 14 tháng 2 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; di tích lịch sử, điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và công trình hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

b) Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử, điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Tư pháp, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Công an tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; Giám đốc Điện lực Quảng Ngãi; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.//

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự Quốc gia;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Quản lý đề điều và PCTT, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- VPUB: Các PCVP;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNTN._{NVH}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Tâm Hiền



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Cụ thể bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; di tích lịch sử, điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và công trình hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
(Ban hành kèm theo Quyết định số 66 /2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cụ thể bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; di tích lịch sử, điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và công trình hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến công tác bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; di tích lịch sử, điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và công trình hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Nguyên tắc bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; di tích lịch sử, điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và công trình hạ tầng kỹ thuật khác

1. Tuân thủ các nguyên tắc cơ bản trong phòng, chống thiên tai được quy định tại Điều 4 Luật Phòng, chống thiên tai và nguyên tắc đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai được quy định tại Điều 4 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác.

2. Tuân thủ các quy định về bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa công trình.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác

1. Thực hiện quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 Điều 5 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

2. Khai thác theo đúng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế mỏ, ranh giới, diện tích, độ sâu cho phép; có biện pháp giảm độ sâu phần đáy mỏ, thoát nước không để tạo thành hồ chứa nước nhằm bảo đảm an toàn.

3. Rào, chắn xung quanh khu vực đã tác động khai thác, phía trên các vách đáy mỏ hiện hữu, cắm biển báo nguy hiểm, bố trí lực lượng bảo vệ thường xuyên kiểm tra không để người dân, gia súc vào khu vực mỏ.

4. Thường xuyên kiểm soát khu vực khai thác khoáng sản và các khu vực khác có liên quan; trường hợp có dấu hiệu không bảo đảm an toàn, sạt, trượt, lở đất, đá phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

Điều 5. Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng khu đô thị, công nghiệp, điểm dân cư nông thôn

1. Thực hiện quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 Điều 5 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

2. Thường xuyên theo dõi diễn biến mưa, lũ, bão, rà soát, kiểm tra hệ thống tiêu thoát nước trong khu vực đô thị, khu công nghiệp, điểm dân cư nông thôn để có giải pháp xử lý phù hợp đảm bảo việc chống ngập úng khi mưa, lũ; kiểm tra các biện pháp đảm bảo an toàn cho công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật, hệ thống hạ tầng kỹ thuật; kiểm soát quy trình cắt tỉa cây xanh đô thị đảm bảo an toàn trong mùa mưa bão; đảm bảo an toàn hệ thống điện và cung cấp nước sạch cho người dân.

3. Thông báo, hướng dẫn người dân, chủ công trình thực hiện gia cố, giằng chống nhà ở, hạng mục công trình bảo đảm an toàn trước mùa mưa bão.

4. Tổ chức rà soát, đánh giá các khu vực dân cư có nguy cơ bị ngập sâu do mưa, lũ, nước biển dâng do ảnh hưởng của bão mạnh, siêu bão, các khu vực dân cư sinh sống tại vùng đồi núi có nguy cơ sạt lở đất, lũ quét, các khu vực thoát lũ ở hạ lưu các hồ chứa, kịp thời thông báo, cảnh báo cho người dân và tổ chức di dời người dân trong vùng nguy hiểm đến khu vực an toàn theo Phương án ứng phó thiên tai hàng năm được lập, phê duyệt.

Điều 6. Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng di tích lịch sử, điểm du lịch, khu du lịch

1. Thực hiện quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 Điều

5 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

2. Tăng cường công tác kiểm tra, phát hiện các hệ thống thiết chế văn hóa, các di tích lịch sử, các điểm du lịch có nguy cơ bị ảnh hưởng do thiên tai mưa lũ; báo cáo cấp ủy, chính quyền địa phương để có phương án xử lý kịp thời.

3. Chủ động triển khai phương án ứng phó thiên tai, đảm bảo tuyệt đối an toàn cho tài liệu, hiện vật, cổ vật đang được lưu giữ, trưng bày tại bảo tàng và di tích, gồm các biện pháp chủ yếu: giằng chống nhà cửa, cắt tỉa, chặt hạ độ cao của cây xanh tại di tích, kiểm tra, sửa chữa cơ sở vật chất các công trình kiến trúc nguy cấp thì lắp đặt hệ giằng chống bão và chống đỡ hệ khung chịu lực; ưu tiên chống đỡ hệ khung và bao che chống dột, chống xuống cấp.

4. Bên cạnh việc áp dụng những kinh nghiệm, phương pháp bảo tồn truyền thống và hiện đại như: Chống mối mọt, tu bổ các bộ phận bị hư hỏng, gia cường, gia cố, diệt trừ dây leo gây hại, bảo quản định kỳ cho di tích, nhà trưng bày lưu niệm, cần nghiên cứu triển khai số hóa dữ liệu về di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh để có thể khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu mở để phục vụ công tác quản lý và trao đổi thông tin.

5. Lắp đặt hệ thống cảnh báo nguy hiểm đối với những điểm di tích có nguy cơ cao do tác động của thiên tai để đảm bảo tuyệt đối an toàn về tính mạng con người, người trông coi di tích và khách tham quan.

6. Thành lập và tập huấn kỹ năng nghiệp vụ cho tổ chức, bộ phận bảo vệ, cứu hộ, cứu nạn, cấp cứu đặc biệt tại khu vực tắm biển, ghềnh, thác, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại khu, điểm du lịch; phân công nhiệm vụ cho mỗi thành viên và lập chế độ thường trực mùa lũ, bão; các bộ phận trên có trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết để phòng ngừa rủi ro, bảo đảm an toàn tính mạng của khách du lịch (cấm cờ báo khu vực nguy hiểm), trang bị đầy đủ các trang thiết bị phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn để hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại đến tính mạng, tài sản đối với khách du lịch.

7. Xây dựng, ban hành Quy định thời gian hoạt động của khu, điểm phù hợp với đặc điểm tự nhiên của từng khu, điểm du lịch. Vào mùa mưa, bão và khi có thông tin về thời tiết bất thường (bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn) ảnh hưởng đến địa bàn tỉnh, cần phải chuẩn bị đầy đủ các phương tiện đảm bảo an toàn cho du khách, trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn phù hợp hoặc tạm dừng đón khách theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

8. Khảo sát và xây dựng biểu đồ hiện trạng bãi tắm chiều dài, chiều rộng, độ sâu mực nước, độ nước xoáy, độ sóng, thủy triều, yếu tố thời tiết tại các khu, điểm du lịch ven biển, thác, suối, hồ. Đặc biệt, chú ý kiểm tra các cầu, kè, bãi biển, hệ thống báo hiệu, báo cáo kịp thời các vị trí hư hỏng các vị trí cần gia cố, xuống cấp để có biện pháp xử lý khắc phục trước khi mùa mưa lũ đến. Trồng bổ sung cọc tiêu, biển báo những vị trí nguy hiểm; kiểm tra những vị trí có cây với đường kính có nguy cơ đổ, gãy cần phải tỉa cành hoặc chặt hạ đảm bảo an toàn cho du khách và nhân viên trong khu, điểm du lịch.

9. Có biện pháp đảm bảo an toàn khi kinh doanh các sản phẩm du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của khách du lịch theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; cam kết không tổ chức các loại hình thể thao du lịch mạo hiểm khi thời tiết xấu.

Điều 7. Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác

1. Thực hiện quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 Điều 5 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

2. Đối với công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển: Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

3. Đối với công trình đê điều

a) Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình đê điều: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT;

b) Trách nhiệm bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai của lực lượng chuyên trách quản lý đê điều đối với các tuyến đê từ cấp III đến cấp đặc biệt: Thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, khoản 2 Điều 8 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT;

c) Trách nhiệm bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai của lực lượng quản lý đê nhân dân đối với các tuyến đê cấp IV, cấp V: Thường xuyên kiểm tra, theo dõi diễn biến tình trạng đê điều; lập hồ sơ lưu trữ và cập nhật thường xuyên dữ liệu về công trình đê điều và thiên tai ảnh hưởng đến công trình đê điều; tham gia với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) xây dựng phương án hộ đê, bảo vệ trọng điểm xung yếu đê điều và phương án xử lý sự cố đê điều; thực hiện các nội dung khác liên quan đến bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với công trình đê điều quy định tại điểm a khoản 3 Điều này và pháp luật về đê điều;

d) Trách nhiệm bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai của cơ quan chuyên môn tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực đê điều: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT được sửa đổi bởi khoản 9 Điều 23 Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT.

4. Đối với công trình đập, hồ chứa nước thủy lợi, công trình chống úng, chống hạn và chống xâm nhập mặn: Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với công trình đập, hồ chứa nước thủy lợi, công trình chống úng, chống hạn và chống xâm nhập mặn thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

5. Đối với khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá: Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

6. Đối với các công trình giao thông: Thường xuyên rà soát các điểm giao thông có nguy cơ sạt lở, ngập, tràn thường xuyên bị ngập sâu, triển khai các biện pháp cảnh báo, hướng dẫn người dân, phương tiện qua lại để đảm bảo an toàn; kịp thời tổ chức khắc phục các hư hỏng, sạt lở để đảm bảo an toàn giao thông, nhất là trong mùa mưa, bão và thực hiện các nội dung về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt theo quy định của Bộ Xây dựng.

7. Đối với các công trình điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác:

a) Các chủ đầu tư, chủ quản lý sử dụng thực hiện công tác kiểm định chất lượng công trình theo quy định; thường xuyên tổ chức bảo trì, sửa chữa khắc phục hư hỏng để đảm bảo an toàn. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã liên quan trong việc di dời, sơ tán các hộ dân trong khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng khi có sự cố công trình xảy ra;

b) Đối với công trình thủy điện: Triển khai thực hiện các nội dung phòng chống thiên tai theo quy định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực; Kiểm tra, gia cố hệ thống lưới điện trước mùa mưa bão; Phối hợp với chính quyền địa phương trong xử lý sự cố điện do thiên tai; Bảo đảm hành lang an toàn lưới điện, phòng ngừa sự cố do cây đổ, sạt lở.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm cơ quan, địa phương, đơn vị, tổ chức cá nhân

1. Trách nhiệm của các Sở quản lý chuyên ngành

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường: Tổ chức thực hiện các trách nhiệm đã được quy định tại khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 7, khoản 4 Điều 8, khoản 3 Điều 9, khoản 3 Điều 10 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT được sửa đổi, thay thế bởi khoản 5, khoản 9 Điều 23 Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT và các nội dung có liên quan tại Quy định này;

b) Các Sở: Xây dựng, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại các khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 6 và khoản 1 Điều 7 và các nội dung có liên quan tại Quy định này. Định kỳ hàng năm, tổng hợp báo cáo các trọng điểm xung yếu và phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu về phòng, chống thiên tai đối với các khu khai thác khoáng sản và khu khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; khu di tích lịch sử, điểm du lịch, khu du

lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn, công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác thuộc phạm vi quản lý, gửi Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước mùa mưa lũ.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức thực hiện các trách nhiệm về bảo vệ đê điều, hộ đê, quản lý nhà nước về đê điều theo quy định của Luật Đê điều số 79/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 15/2008/QH12, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 60/2020/QH14, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 84/2025/QH15 và Luật số 146/2025/QH15 và theo thẩm quyền được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, g khoản 2 Điều 6; các điểm a, b, đ, e khoản 5 Điều 7; các điểm a, b, đ khoản 6 Điều 8; các điểm a, b, đ khoản 5 Điều 9; các điểm a, b, c, đ khoản 5 Điều 10 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT; các khoản 4, khoản 5 Điều 23 Thông tư số 10/2026/TT BNNMT và các nội dung có liên quan tại Quy định này;

b) Chỉ đạo các đơn vị, phòng ban chức năng hỗ trợ tuyên truyền, phối hợp với các đơn vị Điện lực, Đội Quản lý vận hành Lưới điện cao thế 110 kV vận động người dân trong việc rong tĩa cành cây, chặt cây có khả năng ngã đổ vào đường dây và xử lý các trường hợp cố tình cản trở công tác ngăn ngừa, xử lý sự cố lưới điện do vi phạm hành lang an toàn lưới điện cao áp gây ra;

c) Định kỳ hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp báo cáo các trọng điểm xung yếu và phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu về phòng, chống thiên tai đối với các khu khai thác khoáng sản và khu khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; khu di tích lịch sử, điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn, công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác thuộc phạm vi quản lý, phân cấp, gửi Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước mùa mưa lũ.

3. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; di tích lịch sử, điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và công trình hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

a) Tổ chức thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT và các nội dung có liên quan tại Quy định này;

b) Đối với việc xây dựng, phê duyệt, phương án ứng phó thiên tai, nội dung chính của phương án ứng phó thiên tai phải đảm bảo yêu cầu theo quy định tại khoản 2 và điểm b khoản 4 Điều 22 Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13. Hoàn thành trước ngày 15 tháng 4 hàng năm, các phương án sau khi ban hành phải được gửi về các địa phương liên quan, các đơn vị chuyên ngành quản lý nhà nước để phối hợp.

Điều 9. Xử lý vi phạm

Việc xử lý các hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; di tích lịch sử, điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và công trình hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều.

Điều 10. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các địa phương, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.